

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 04 năm 2026

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Hiện nay, Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa nguyên vật liệu cho Đề tài B2026-18-21 theo danh mục đính kèm.

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- 1. Yêu cầu đơn vị báo giá tuân thủ theo số thứ tự danh mục hàng hóa yêu cầu báo giá (Phụ lục 1), đối với mục hàng hóa không báo giá được giữ nguyên tên hàng hóa, để trống đơn giá.**
- Thông tin liên hệ tiếp nhận báo giá: Trường Đại học Khoa học tự nhiên tiếp nhận báo giá đồng thời theo 2 hình thức:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Quản trị Thiết bị - A04 - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, số 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán, TP. HCM. Số điện thoại: 028 38304094.
 - Nhận qua email: vtdquynh@hcmus.edu.vn / Zalo: 0968144871 - Văn Thiên Diễm Quỳnh.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày thông báo đến hết ngày 19 tháng 04 năm 2026.
- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 30 ngày kể từ ngày 19 tháng 04 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục các mặt hàng yêu cầu báo giá tại Phụ lục 1.
- Địa điểm cung cấp: Tại Trường Đại học Khoa học tự nhiên, số 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán và Khu đô thị Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thời gian thực hiện hợp đồng dự kiến: 90 ngày.
- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:
 - Tạm ứng: Không áp dụng.
 - Phương thức thanh toán: *thanh toán chuyển khoản qua ủy nhiệm chi của Kho bạc Nhà nước Khu vực II – Phòng giao dịch số 9 - TP.HCM*
- Thành phần hồ sơ báo giá:
 - Báo giá: Theo mẫu báo giá đính kèm tại Phụ lục 2.
 - Giấy đăng ký kinh doanh phù hợp với nội dung báo giá.
 - Văn bản minh chứng đơn vị báo giá có tên trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

- Tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật của mặt hàng báo giá và tài liệu liên quan (nếu có).
6. Các thông tin khác:
- Tổng giá trị của hàng hóa trong báo giá đã bao gồm thuế, phí và các loại chi phí khác theo quy định hiện hành.
 - Điều kiện đảm bảo khác: Đảm bảo cung cấp hàng hóa, cam kết thực hiện được dịch vụ đổi trả nếu hàng hóa xảy ra các vấn đề liên quan đến chất lượng trong quá trình sử dụng khi bên mua có yêu cầu...
- Trân trọng thông báo.

TRƯỞNG PHÒNG PHÒNG QUẢN TRỊ THIẾT BỊ

(Đã ký)

Lê Thị Nga

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC HÀNG HÓA YÊU CẦU BÁO GIÁ.

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Hãng sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ sản xuất)	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng môi thầu
1.	Acrylamide (CAS:79-061)				Trung Quốc	Trung Quốc		500 gram/Chai	5
2.	N,N'-Methylene-bis(acrylamide) (CAS:110-26-9)				Trung Quốc	Trung Quốc		500 gram/Chai	2
3.	Ammonium peroxodisulfate (CAS:7727-54-0)				Trung Quốc	Trung Quốc		500 gram/Chai	2
4.	N,N,N',N'-Tetramethylethylenediamine (CAS:110-18-9)				Trung Quốc	Trung Quốc		100 gram/Chai	2
5.	N,N'-Methylene-bis(acrylamide) (SIGMA, CAS:110-26-9)				Sigma	Đức		500 gram/Chai	1
6.	Ammonium peroxodisulfate (SIGMA, CAS:7727-54-0)				Sigma	Đức		500 gram/Chai	1
7.	N,N,N',N'-Tetramethylethylenediamine (SIGMA, CAS:110-18-9)				Sigma	Đức		100 gram/Chai	1
8.	Hydrazine hydrate (TQ, CAS:7803-57-8)				Trung Quốc	Trung Quốc		500 ml/Chai	5
9.	Acid ascorbic (TQ, CAS:50-81-7)							100 gram/Chai	3
10.	Acetone (TQ, CAS:67-64-1)				Trung Quốc	Trung Quốc		500 ml/Chai	10
11.	Ethanol (TQ, CAS: 64-17-5)				Trung Quốc	Trung Quốc		500 ml/Chai	6
12.	N,N-Dimethylacrylamide (TQ, CAS:07-03-2680)				Trung Quốc	Trung Quốc		500 ml/Chai	5
13.	N,N-Dimethylacrylamide (SIGMA, CAS:07-03-2680)				Sigma	Đức		500ml/Chai	1
14.	Polyvinyl alcohol (TQ, CAS:9002-89-5)				Trung Quốc	Trung Quốc		500 gram/Chai	5

15.	Borax (TQ, CAS:1303-96-4 (anhydrous), 1330-43-4 (decahydrate))				Trung Quốc	Trung Quốc		500 gram/Chai	2
16.	Activated Bamboo Charcoal powder (TQ)				Trung Quốc	Trung Quốc		500 gram/Chai	2
17.	Graphite flake (<10 micromet) (TQ, CAS:7782-42-5)				Trung Quốc	Trung Quốc		250 gram/Chai	12
18.	Axit sunfuric (TQ, CAS:7664-93-9)				Trung Quốc	Trung Quốc		500 ml/Chai	20
19.	Bình khí N ₂ mini (VN)				Việt Nam	Việt Nam		14L/Chai	3
20.	Kali pemanganat (SIGMA, CAS: 7722-64-7)				Sigma	Đức		250 gram/Chai	1
21.	Hydrogen Peroxide (TQ, CAS:7722-84-1)				Trung Quốc	Trung Quốc		500 ml/Chai	5
22.	Hydrochloric acid 0.1M (TQ: CAS:7722-84-1)				Trung Quốc	Trung Quốc		500 ml/Chai	10
23.	Acid Photphoric (SIGMA: CAS:7664-38-2)				Sigma	Đức		1L/Chai	1
24.	2,2,6,6-tetramethylpiperidine-1-oxyl (TEMPO); (TQ, CAS: 2564-83-2)				Trung Quốc	Trung Quốc		25 gram/Chai	2
25.	2-metylimidazole (2-MI) (TQ, CAS: 693-98-1)				Trung Quốc	Trung Quốc		100 gram/Chai	2
26.	Dibutyltin dilaurate (DBTDL) (TQ, CAS:77-58-7)				Trung Quốc	Trung Quốc		100 ml/Chai	2
27.	Dopamine (Dopamine hydrochloride) (TQ, CAS:62-31-7)				Trung Quốc	Trung Quốc		25 gram/Chai	1
28.	Titania paste, transparent, (SIGMA, CAS:791547)				Sigma	Đức		20 gram/Chai	1
29.	Platinum paste (Merck, CAS:791512)				Merck	Đức		20 gram/Chai	1
30.	Titanium tetrachloride (TQ, CAS:7550-45-0)				Trung Quốc	Trung Quốc		500 gram/Chai	1
31.	Monochlorobenzene, Xilong (TQ, CAS:108-90-7)				Trung Quốc	Trung Quốc		500 ml/Chai	1

PHỤ LỤC 2: MẪU BÁO GIÁ

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thời gian thực hiện gói thầu	Ghi chú
1.													
2.													

